

TỔNG HỢP SỐ LIỆU KHAI THÁC CÁC CHUYẾN BAY ĐÚNG GIỜ, CHẬM, HỦY CHUYẾN CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
Tháng 04/2025 (số liệu được tổng hợp từ báo cáo của các Cảng vụ Hàng không)

Chỉ tiêu	Vietnam Airlines (VN)		VietJet Air (VJ)		Pacific Airlines (BL)		VASCO (OV)		Bamboo Airways(QH)		Vietravel (VU)		Tổng		
	Số chuyến	Tỷ lệ (%)	Số chuyến	Tỷ lệ (%)	Số chuyến	Tỷ lệ (%)	Số chuyến	Tỷ lệ (%)	Số chuyến	Tỷ lệ (%)	Số chuyến	Tỷ lệ (%)	Số chuyến	Tỷ lệ (%)	Tỷ trọng (%)
CHUYẾN BAY KHAI THÁC	9,352		10,763		446		482		1,045		207		22,295		
SỐ CHUYẾN BAY CÁT CÁNH ĐÚNG GIỜ (OTP)	6,460	69%	4,661	43.3%	357	80.0%	351	72.8%	844	80.8%	148	71.5%	12,821	57.5%	
CHẬM CHUYẾN	2,892	30.9%	6,102	56.7%	89	20.0%	131	27.2%	201	19.2%	59	28.5%	9,474	42.5%	100.0%
1.Trang thiết bị và dịch vụ tại Cảng	71	0.8%	220	2.0%	0	0.0%	10	2.1%	0	0.0%	4	1.9%	305	1.4%	3.2%
2.Quản lý, điều hành bay	94	1.0%	125	1.2%	0	0.0%	2	0.4%	26	2.5%	11	5.3%	258	1.2%	2.7%
3.Hãng hàng không	510	5.5%	2,350	21.8%	6	1.3%	29	6.0%	12	1.1%	8	3.9%	2,915	13.1%	30.8%
4.Thời tiết	45	0.5%	54	0.5%	0	0.0%	1	0.2%	1	0.1%	0	0.0%	101	0.5%	1.1%
5.Lý do khác	74	0.8%	208	1.9%	2	0.4%	3	0.6%	2	0.2%	0	0.0%	289	1.3%	3.1%
6.Tàu bay về muộn	2,094	22.4%	3,145	29.2%	81	18.2%	86	17.8%	158	15.1%	36	17.4%	5,600	25.1%	59.1%
HỦY CHUYẾN	42	0.4%	68	0.6%	5	1.1%	10	2.0%	0	0.0%	2	1.0%	127	0.6%	100.0%
1.Thời tiết	0	0.0%	11	0.1%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	11	0.0%	8.7%
2.Kỹ thuật	4	0.0%	1	0.0%	0	0.0%	1	0.2%	0	0.0%	1	0.5%	7	0.0%	5.5%
3.Thương mại	8	0.1%	19	0.2%	4	0.9%	4	0.8%	0	0.0%	0	0.0%	35	0.2%	27.6%
4.Khai thác	22	0.2%	36	0.3%	1	0.2%	4	0.8%	0	0.0%	1	0.5%	64	0.3%	50.4%
5.Lý do khác	8	0.1%	1	0.0%	0	0.0%	1	0.2%	0	0.0%	0	0.0%	10	0.0%	7.9%